

**PHỤ LỤC 03: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG** (Biểu phí này chưa bao gồm thuế VAT)  
(Ban hành kèm theo Quyết định 132/2019/QĐ-TGD)

STT	DỊCH VỤ	MỨC THU	TỐI THIỂU (MIN)	TỐI ĐA (MAX)	CÁC PHÍ KHÔNG CHỊU THUẾ VAT
<b>1</b>	<b>PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN</b>				
1.1	Khoản vay ngắn hạn theo món ≤ 12 tháng	0,5% * Số tiền trả nợ trước hạn	200.000 VND		X
1.2	<b>Khoản vay trung, dài hạn</b>				
1.2.1	Thời gian vay thực tế đã đạt từ 70% thời hạn vay theo HĐTD	Miễn phí			X
1.2.2	Thời gian vay thực tế đã đạt từ 50% - 70% thời hạn vay theo HĐTD	2% * Số tiền trả nợ trước hạn	500.000 VND		X
1.2.3	Thời gian vay thực tế đã đạt từ 30% - 50% thời hạn vay theo HĐTD	3%* Số tiền trả nợ trước hạn	1.000.000 VND		X
1.2.4	Thời gian vay thực tế đã đạt chưa đến 30% thời hạn vay theo HĐTD	4% * Số tiền trả nợ trước hạn	1.000.000 VND		X
<b>2</b>	<b>PHÍ THU XẾP ĐỒNG TÀI TRỢ</b>	0,05%*Tổng giá trị khoản vay	5.000.000 VND		X
<b>3</b>	<b>PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG</b>	0,05%*Giá trị HMTD dự phòng	2.000.000 VND		X

**Lưu ý**

1	Phí trả nợ trước hạn thu ngay khi phát sinh việc trả nợ trước hạn.
2	Thời gian vay thực tế là khoảng thời gian tính từ ngày giải ngân đến ngày trả nợ trước hạn.
3	Các trường hợp không áp dụng phí phạt trả nợ trước hạn: - Cho vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn; - Cho vay bảo đảm 100% bằng Giấy tờ có giá do VPBank phát hành (bao gồm nhưng không giới hạn: hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, sổ dư tài khoản); - Các khoản vay có nguồn tài trợ là các khoản phải thu (quyền đòi nợ, L/C xuất khẩu, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu); - Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trước hạn hoặc giảm dư nợ theo yêu cầu của VPBank; - Các khoản vay theo chương trình/sản phẩm/nghị quyết phê duyệt có quy định riêng về phí phạt trả nợ trước hạn; - Các khoản vay chuyển sang AMC quản lý.
4	Phí thu xếp đồng tài trợ thu ngay sau khi các bên ký kết Thỏa thuận Thu xếp đồng tài trợ.